TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 11 - 2019
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Biên Ải

Bà Ngô Diễm Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Như N, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2019, nguyên đơn chị Hồ Như N trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Đỗ Văn K tự nguyện chung sống với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lúc chị bệnh phải nằm viện điều trị anh K cũng không quan tâm lo lắng đến chị, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, sự việc được gia đình hai

bên hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Chị N xác định không có, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Đỗ Văn K, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh K không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị N với anh K tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Như N với anh Đỗ Văn K được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh K không quan tâm, lo lắng cho chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay và mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai nữa; tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm với anh K và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh K; đối với anh Đỗ Văn K, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị N, nhưng anh K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N, điều này cho thấy anh K đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Mặt khác, xét thấy thời gian chị N và anh K ly thân cũng đã lâu, tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh K là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản và nợ: Chị N xác định trong thời gian chung sống chị N và anh K không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh K không có ý kiến gì về con chung, tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Như N, cho chị Hồ Như N được ly hôn với anh Đỗ Văn K.

2. Về án phí: Chị Hồ Như N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009848 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã H, huyện C;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Tiêu Hồng Phượng